

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ

Ngày: 16-3-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyễn

Ông Lê Bá Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu phố TN, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc S, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Khu phố TN, thị trấn RT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị T:

- Về hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/12/20015. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống chung ngày càng trở nên căng thẳng, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc S.

- Về con: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 10/11/2016, vợ chồng ly hôn chị T xin được quyền nuôi con, không yêu cầu anh Sơn phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Chị T và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T và anh S không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai và tại các phiên hòa giải, quan điểm của anh Lê Ngọc S:

- Về hôn nhân: Anh S thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, không ai nhường ai. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con: Anh S và chị T có 01 con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 10/11/2016, vợ chồng ly hôn anh S xin được quyền nuôi con, không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Anh Lê Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh S khẳng định: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, đề nghị Tòa án xử cho nguyên đơn được nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án buộc anh S phải đóng góp nuôi con, về tài sản và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày tại Tòa án: Đề nghị Tòa án xử ly hôn và đề nghị Tòa án cho bị đơn được quyền nuôi con, không yêu cầu nguyên đơn phải đóng góp nuôi con. Về tài sản và công nợ bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Các Điều 51; 55; 57; Các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S,

Về con chung: Giao con chung Lê Bảo A, sinh ngày 10/11/2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Lê Ngọc S không phải đóng góp nuôi con cùng chị T.

Về tài sản và công nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Lê Ngọc S là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố Thống Nhất, thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa ngày 28/12/20015. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mất lòng tin nên thường xuyên xảy ra va chạm, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống chung ngày càng trở nên căng thẳng, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân vợ chồng của anh S và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh S đã thuận tình ly hôn. HĐXX nhận thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

* *Về con chung:* Chị T và anh S có một con chung là cháu Lê Bảo A, sinh ngày 10/11/2016. Ly hôn cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của cả hai người đều chính đáng. Về điều kiện nuôi con cả

anh S và chị T đều có thu nhập. Với mức lương là 12.000.000đ/tháng của anh S cao hơn so với mức lương 7.000.000đ/ tháng của chị T. Theo Hợp đồng lao động do anh Sơn cung cấp thì thời gian làm việc của anh S quá bận nên không có nhiều thời gian dành cho việc chăm sóc con. Tuy chị T có mức thu nhập thấp hơn nhưng ngược lại chị T có nhiều thời gian nhàn rỗi dành cho việc chăm sóc con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Bảo A cần giao cháu Bảo A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung .

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Ngọc S phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị T hoàn toàn chính đáng, không trái quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

* Về tài sản: Chị T và anh S đều thống nhất: Vợ chồng chưa mua sắm được tài sản gì có giá trị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* Về công nợ: Chị T và anh S khẳng định vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 271 BLTTDS. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; các Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; Các Điều 51; 55; 57; Các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S.

2. Về nuôi con: Giao con chung cháu Lê Bảo A, sinh ngày 10/11/2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Lê Ngọc S không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị T.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai

thu tiền số AA/2021/0005489 ngày 26/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Lê Ngọc S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Sơn;
- Các đương sự;
- UBND TT Rừng Thông;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tố Như